

Nhận thức về người học và phương pháp học ngoại ngữ: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn

Nguyễn Lân Trung*

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 05 tháng 02 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 02 tháng 03 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 04 tháng 03 năm 2015

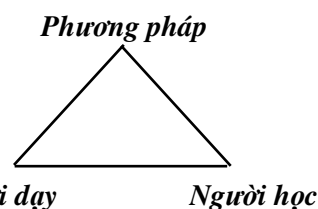
Tóm tắt: Trước đây, quá trình dạy-học ngoại ngữ thường đặt trọng tâm vào người thầy và phương pháp giảng dạy. Trái lại, từ những năm cuối thế kỉ 20 đến nay, khi quan điểm lấy người học và việc học làm trung tâm chiếm vai trò chủ đạo và rõ ràng đã đạt hiệu quả cao hơn, trọng tâm phải chuyển sang người học và phương pháp học nhằm tạo lập và phát triển tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học, đáp ứng nhu cầu của chính họ và giúp họ trở thành người học tập suốt đời. Bài viết này khái lược những nhận thức chung về việc dạy-học ngoại ngữ, giải đáp một số vấn đề cơ bản như những yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến người học, người học cần có những điều kiện gì và phẩm chất nào. Phần tiếp theo của bài viết tổng kết những nhận thức về người học và phương pháp học ngoại ngữ trong các phương pháp và đường hướng dạy-học ngoại ngữ từ trước tới nay, ví dụ như phương pháp truyền thống, nghe-nhìn, đường hướng giao tiếp và quan điểm hành động, cùng với những nguyên tắc cơ bản theo các cách tiếp cận khác nhau này. Qua đó, bài viết nhấn mạnh những yêu cầu cần thiết phải đổi mới phương thức tiếp cận nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong đào tạo ngoại ngữ, đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong thế kỉ 21.

Từ khóa: Dạy-học ngoại ngữ, phương pháp, phương pháp truyền thống, phương pháp nghe-nhìn, đường hướng giao tiếp, quan điểm hành động.

1. Những vấn đề chung

Nói đến các yếu tố cấu thành lên một qui trình sư phạm, yếu tố đầu tiên phải kể đến là người học, bởi đơn giản, nếu không có người học thì cũng không có người dạy, mà không có người học và người dạy thì cũng không thể có lớp học, trường học, không có chương trình, giáo trình, phương pháp, phương tiện dạy học...

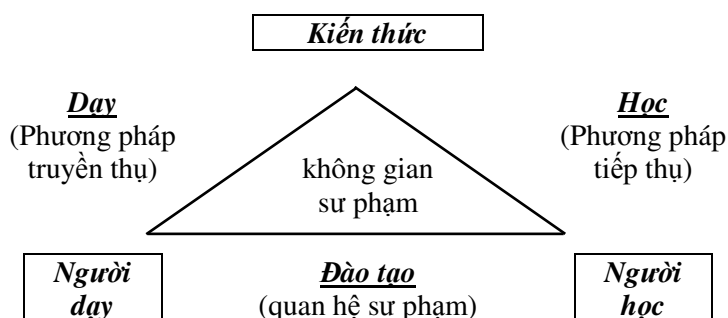
Có nhiều sơ đồ sư phạm khác nhau, nhưng có lẽ sơ đồ phổ biến nhất, đơn giản nhất là hình tam giác mà 3 đỉnh là các yếu tố: người học - người dạy - phương pháp.



Sơ đồ này phản ánh mối quan hệ truyền thống giữa một bên là người “trao” kiến thức và một bên là người “nhận” kiến thức thông qua

* ĐT.: 84-903407183

Email: lantrung55@gmail.com



Chúng ta vừa bàn đến yếu tố người học trong sơ đồ chung về giáo dục. Khi bàn đến người học, ở đây là người học ngoại ngữ, một số câu hỏi sẽ được đặt ra:

- Những yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến người học?

- Người học cần có những điều kiện gì?

- Người học cần có những phẩm chất nào?

Trả lời thấu đáo các câu hỏi này sẽ giúp chúng ta có được cách tiếp cận tốt nhất, hiệu quả nhất trong quá trình dạy-học ngoại ngữ.

1.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến người học

- **Tuổi:** Người học có thể ở các độ tuổi khác nhau. Trong việc học một ngoại ngữ, độ tuổi là một yếu tố rất quan trọng để xác định phương pháp giảng dạy. Tùy theo tâm lí lứa tuổi, người ta đã xác định các phương pháp học hoàn toàn khác biệt, cho học sinh tiểu học, trung học, đại học. Yếu tố tuổi quyết định trình độ nhận thức, thói quen, hứng thú, nói tóm lại là đặc tính tâm sinh lí lứa tuổi, mà qui trình giáo dục phải đặc biệt quan tâm để có được hiệu quả giáo dục cao nhất.

- **Giới tính:** Yếu tố giới tính cũng có thể ảnh hưởng đến quá trình dạy-học. Ở độ tuổi thấp, yếu tố này không có sự quá khác biệt, nhưng càng lên cao, sự khác biệt giới là một yếu tố mà giáo dục pháp ngoại ngữ cũng cần quan tâm tới, chẳng hạn như chủ đề văn hóa, đặc điểm hứng thú, quan điểm tranh luận ...

- **Nguồn gốc:** Giảng dạy ngoại ngữ ở các khu vực địa dư khác nhau có những đặc điểm và điều kiện khác nhau mà quá trình dạy-học cần lưu ý đến, đó là các yếu tố dân tộc, kinh tế, văn hóa, xã hội, là những thói quen khác biệt ..., tạo nên những điểm mạnh và điểm yếu của cộng đồng mà người học đã xuất thân từ đây.

- **Văn hóa:** Trình độ hiểu biết chung và trình độ văn hóa ảnh hưởng lớn đến quá trình thiết kế bài dạy và tư liệu dạy phục vụ người học. Xuất phát từ khởi điểm quá cao hoặc quá thấp đều tạo độ vênh về nhận thức, gây khó khăn cho quá trình tiếp thu của người học. Ví dụ, nhiều yếu tố văn hóa, văn minh nước ngoài không quá xa lạ đối với học sinh ở các thành phố lớn Việt Nam, nhưng lại là sự phát hiện bất ngờ đối với học sinh nông thôn, miền núi, gây nhiều khó khăn và đòi hỏi một tiến độ cũng như sự đầu tư giảng giải nhiều hơn từ người dạy.

- **Năng lực chung và năng lực học:** Đây là một trong những yếu tố quyết định chất lượng dạy-học. Nói như vậy không phải là năng lực ban đầu của người học sẽ là bất biến, nó sẽ phát triển dần trong quá trình giáo dục, nhưng chắc chắn rằng các yếu tố tâm sinh lí ban đầu ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình tiếp thu của người học, và rằng người dạy cần xây dựng các chiến lược truyền thụ khác nhau để đáp ứng hợp lí các mức năng lực này. Rõ ràng là người ta thường nói đến các cá nhân người học có "khiếu" học ngoại ngữ, đó là tổng hòa của các yếu tố về trí nhớ, khả năng bắt chước, tính linh

hoạt, khả năng biểu đạt, tính cởi mở, khả năng suy luận ... Đánh giá năng lực học là yếu tố góp phần vào thành công của quá trình giáo dục.

- **Kinh nghiệm:** Mỗi người học đều có những kinh nghiệm riêng của mình, kinh nghiệm sống, kinh nghiệm làm việc, kinh nghiệm quan hệ, kinh nghiệm học tập ..., trong đó kinh nghiệm học tập được tích lũy qua quá trình đào tạo kiến thức chung từ đầu cấp học và qua quan sát trong môi trường ấy. Kinh nghiệm giúp cho người học phát huy những điểm mạnh, hạn chế điểm yếu, hạn chế khó khăn, đẩy nhanh quá trình tiếp thu và thực hành kiến thức có hiệu quả.

- **Nhu cầu, mong muốn:** Là yếu tố có thể nói là đầu tiên ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình học tập, là động lực thường xuyên thúc đẩy người học phấn đấu, quyết tâm. Thông thường người ta nói đến ba loại nhu cầu: thứ nhất là từ sở thích cá nhân, thứ hai là do yêu cầu của nghề nghiệp công việc và thứ ba là do sự bắt buộc của thiết chế (ví dụ, môn ngoại ngữ có trong chương trình học thì phải học để có điểm). Dù là loại nhu cầu nào thì mọi quá trình dạy-học đều không thể bỏ qua yếu tố này.

- **Một số yếu tố khác:** Người học còn bị tác động bởi một số yếu tố bên trong và bên ngoài khác. Đó là các yếu tố về điều kiện gia đình, điều kiện xã hội, điều kiện tài chính và ở bên trong là điều kiện về thể chất, về trạng thái tâm lí tinh thần. Các yếu tố này tạo nên một cảnh huống đặc thù của mỗi người học, có thể giúp hoặc cản trở ở các mức độ khác nhau quá trình học tập của người đó.

1.2. Những điều kiện cần có của người học

- **Kiến thức trước khi học:** Tất cả người học đều đã có những kiến thức trước khi bước vào một quá trình đào tạo nào đó, chỉ có điều những kiến thức này ở các mức độ khác nhau. Đây là

những điều kiện tiên quyết và ở những mức độ nào đó nó cho phép người học được hoặc không được tham gia một quá trình đào tạo nào đó. Ví dụ, trong ngoại ngữ, người theo học trình độ A₂ cần có đầu vào kết thúc trình độ A₁, người theo học trình độ C₁ cần có đầu vào kết thúc trình độ B₂. Hoặc như trẻ em có thể nói lưu loát ngoại ngữ nhưng vẫn không đủ hiểu biết chung, không đủ tư duy và kiến thức nền để tiếp cận trình độ C₁ hoặc C₂. Vì vậy kiến thức có trước khi học cần phải được coi trọng ở đầu vào.

- **Khả năng học tập:** Ở đây chúng ta hiểu là những điều kiện năng lực chung. Trước hết, đó là những người học có khả năng tư duy bình thường, không bị những bệnh lí bẩm sinh hoặc thiếu năng nào đó. Thứ hai là việc đánh giá các khả năng học tập ở những mức độ nào, các năng lực này là điều kiện quan trọng đảm bảo hiệu quả học tập. Ví dụ, đối với ngoại ngữ, khả năng nghe và khả năng diễn đạt là những kĩ năng đóng vai trò bản lề.

- **Khả năng kết nối, tổ chức học tập:** Hiệu quả học tập của một cá nhân phụ thuộc rất nhiều vào khả năng kết nối các yếu tố, các điều kiện và khả năng tự tổ chức quá trình học tập của mình. Quá trình này càng hợp lí, càng khoa học, phát huy được các yếu tố tích cực, hạn chế được các yếu tố tiêu cực bao nhiêu thì hiệu quả học tập sẽ cao bấy nhiêu. Ngày nay người ta thường nhắc nhở các nhà sư phạm hãy chú ý nhiều hơn nữa đến việc dạy cho người học cách học chứ không chỉ dạy kiến thức nói riêng.

- **Yêu thích, đam mê:** Như đã được phân tích trong phần những yếu tố ảnh hưởng đến người học, sự yêu thích, đam mê, hứng thú học tập trở thành điều kiện cần có của người học, mà không có các điều kiện này, một quá trình học không bao giờ có thể thành công được. Có thể yếu tố này còn mờ nhạt lúc đầu, nhưng nó cần được chú ý, được phát huy, được nuôi dưỡng để lớn dần lên, dần trở thành ý nghĩa lớn

lao đối với người học. Trong học ngoại ngữ, ngoài nhu cầu thì sự yêu thích đam mê sẽ thúc đẩy người học phấn đấu để đạt mục đích, chẳng hạn như để hát được một bài hát nước ngoài, được khám phá yếu tố văn hóa văn minh nước ngoài, được thực hành tiếng nước ngoài trong chuyến đi du lịch, được dịch một chuyện vui gửi tới bạn bè ...

- **Thông tin về quá trình học:** Đây là những thông tin về nội dung và cả về hình thức tổ chức. Những thông tin hữu ích này giúp cho người học chủ động tổ chức quá trình học tập của mình một cách phù hợp nhất. Chẳng hạn như người học tham gia một khóa học ngoại ngữ cần nắm bắt yêu cầu cụ thể cần đạt được về kiến thức ngôn ngữ cũng như về các kỹ năng tiếng như thế nào, những tài liệu có thể sử dụng là gì, phương pháp học ra làm sao và hình thức tổ chức về mặt thời gian, không gian là thế nào ...

1.3. Những phẩm chất cần có của người học

Ở đây chính là việc xây dựng lên “hình dạng mẫu” của người học. Có nhiều quan điểm khác nhau. Chúng ta có thể tham khảo “bản nhận dạng” của nhóm nghiên cứu Tổ chức Giáo dục International Baccalaureate (IB) [2].

- **Người học có tư duy cởi mở**

+ Hiểu mình, tự tin về hiểu biết của mình và sẵn sàng chia sẻ với những người khác.

+ Mở rộng cửa để đón các hiểu biết mới, không định kiến, không bảo thủ.

+ Mong muốn tìm hiểu quan điểm của người khác và sẵn sàng học hỏi để gia tăng hiểu biết của mình.

- **Người học giao tiếp**

+ Biết sử dụng mọi phương tiện, mọi hình thức giao tiếp.

+ Biết hợp tác hiệu quả với mọi người.

+ Hiểu và diễn đạt được các ý tưởng, các nội dung kiến thức một cách tự tin và sáng tạo.

- **Người học nắm thông tin**

+ Biết khai thác các khái niệm, các ý tưởng và các vấn đề quan trọng.

+ Có được kiến thức sâu rộng, mở rộng hiểu biết trong các lĩnh vực khác nhau.

+ Biết sử dụng tốt những gì học hỏi được, áp dụng vào trong các tình huống khác nhau.

- **Người học suy ngẫm**

+ Biết phân tích tình huống một cách phê phán và sáng tạo.

+ Biết làm sao cho các ý tưởng của mình trở nên có giá trị.

+ Biết tìm cách tối ưu giải quyết các vấn đề và ra được các quyết định đúng đắn.

- **Người học biết chiêm nghiệm**

+ Biết tự đánh giá điểm mạnh và điểm hạn chế của mình.

+ Luôn chiêm nghiệm các cách học mới, các kinh nghiệm của người khác.

+ Có ý thức về khó khăn và tìm được cách thức tháo gỡ.

+ Có khả năng phát huy những thói quen làm việc hiệu quả.

- **Người học biết đầu tư**

+ Luôn biết tự vấn và “tò mò”.

+ Biết huy động sự hiểu biết của mình.

+ Biết tìm kiếm thông tin từ các nguồn khác nhau.

+ Biết sử dụng các chiến lược hợp lý và thích học hỏi.

- **Người học biết dẫn thân**

+ Biết chấp nhận các hệ quả của các hành động của mình.

+ Trung thực với bản thân và người khác.

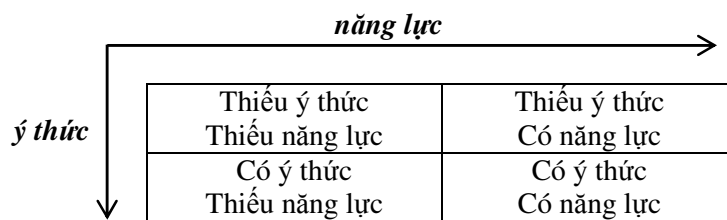
+ Tôn trọng cá nhân, nhóm và cộng đồng.

- **Người học có dũng khí**
- + Dám làm những thử nghiệm mới.
- + Chấp nhận có thể sai lầm.
- + Dám bảo vệ niềm tin của mình.
- + Biết tiếp cận các tình huống bất thường một cách dũng cảm và có suy xét.
- **Người học có tâm thế cân bằng**
- + Biết đánh giá điểm mạnh, mối quan tâm và điểm yếu của mình.

+ Coi trọng sự cân bằng trí tuệ, thể chất và tình cảm.

+ Lựa chọn được cách hành xử phù hợp với lợi ích của bản thân và của người khác.

Như vậy chúng ta có thể đánh giá người học dựa trên hai trục, một trục là trục ý thức và một trục là trục năng lực, với các giá trị giả định về từng khu vực ý thức và năng lực như được trình bày ở trên. Hướng tiến đến của chúng ta là *người học có ý thức và có năng lực*.



2. Nhận thức về người học và phương pháp học tập trong các phương pháp và đường hướng dạy-học ngoại ngữ trước đây

Như chúng tôi đã trình bày ở phần trên, lịch sử giáo học pháp ngoại ngữ đã trải qua nhiều chặng đường phát triển, trong đó phải kể đến sự thay thế của các Phương pháp trực tiếp, Phương pháp nghe-nói, Phương pháp nghe-nhìn, Phương pháp tích cực đối với phương pháp truyền thống đã ngự trị nhiều thế kỉ kể từ khi người ta nói đến việc dạy và học một sinh ngữ, và rồi sự thay thế của Đường hướng ý niệm - chức năng - giao tiếp đối với những phương pháp kể trên và sự phát triển của Đường hướng giao tiếp để trở thành Quan điểm hành động trong khoa học dạy-học ngoại ngữ. Trong mỗi phương pháp, đường hướng và quan điểm ấy yếu tố người học và phương pháp học tập luôn được đề cập đến một cách rõ nét.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng Phương pháp truyền thống dạy và học ngoại ngữ.

2.1. Người học và phương pháp học tập Ngoại ngữ trong dạy-học truyền thống

Trong các phương pháp dạy-học nói chung trước đây và phương pháp dạy-học ngoại ngữ nói riêng, vị trí của người học thường được xác định là người thuần túy tiếp nhận kiến thức từ người thầy, với hình ảnh là “Thầy như chiếc vôi nước, chảy vào chai nước là Trò!”. Ở đây là một sự tiếp thu hết sức thụ động, theo kiểu “Ông thầy đồ dạy một bồ chữ”: Thầy dạy cái thầy có, Trò học cái thầy cho và Thầy kiểm tra cái thầy dạy! Phương pháp dạy học này nếu đã tỏ ra kém hiệu quả với người học nói chung thì càng không phù hợp với người học một sinh ngữ, khi yêu cầu cơ bản của môn học là người học phải sản sinh ra ngôn từ để giao tiếp. Trải dài từ suốt thế kỉ XVI, phát triển mạnh mẽ từ cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, và còn tồn tại cho đến tận ngày nay (ở một số nơi), phương pháp truyền thống được coi là phương pháp lâu đời nhất và nổi tiếng với định hướng “Ngữ pháp - Dịch”.

Phương pháp truyền thống dạy và học ngoại ngữ lấy mẫu hình từ trong việc dạy ngôn ngữ La Tinh và Hy Lạp, dạy sinh ngữ dựa trên kinh nghiệm dạy từ ngữ [3], ở đó người học được yêu cầu đọc (đọc to, đọc thầm, đọc cá nhân, đọc tập thể), được nghe thầy giảng giải về nghĩa từ vựng và miêu tả các qui tắc ngữ pháp, sau đó người học được yêu cầu làm các bài tập ứng dụng ngữ pháp và kết thúc là khâu dịch xuôi và dịch ngược hoặc viết luận. Như vậy, người học ngoại ngữ theo Phương pháp truyền thống thực chất là học về ngôn ngữ, học kiến thức ngôn ngữ, chứ không phải học cách sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp, người học được yêu cầu và được tạo điều kiện để phát triển khả năng đọc hiểu, khả năng phát triển hiểu biết chung (đặc biệt là các hiểu biết về văn học, khoa học), khả năng phân tích lập luận ngôn ngữ, chứ không phải khả năng nắm bắt ngôn ngữ để tái sử dụng trong tình huống xã hội, trong đời sống hàng ngày. Các loại hình bài tập cơ bản của người học để ôn luyện là đọc diễn cảm, viết chính tả, làm bài tập phân tích ngôn ngữ, học thuộc lòng các đoạn văn, viết luận và dịch. Đặc biệt, dịch xuôi và dịch ngược thường được coi là mục đích cuối cùng, là công đoạn để kiểm tra sự hiểu biết tinh thông về từ vựng, ngữ pháp và các kiến thức chung. Người học không hề được tiếp xúc với ngôn ngữ nói, với ngữ âm, với ngôn ngữ hàng ngày, không có chỗ cho các hội thoại trong Phương pháp truyền thống, không có tình huống giao tiếp, tình huống thực. Và như vậy thì các yếu tố đi kèm ngôn ngữ, các yếu tố ngoài ngôn ngữ cũng không thể có mặt trong quá trình học ngoại ngữ. Về mặt điều kiện hỗ trợ vật chất thì ngoài phần trắng bảng đen chỉ còn là tập giáo trình in các bài khóa cùng các phần giới thiệu, luyện tập về từ vựng, ngữ pháp, dịch. Không có một hỗ trợ kĩ thuật nào giúp cho người học phát huy hết được khả năng tiếp nhận, tìm kiếm thông tin, xử lí thông tin

hay luyện tập thực hành ngôn ngữ. Ngược lại người học chỉ có thể ghi nhớ máy móc từ vựng, các qui tắc ngữ pháp, các cấu trúc câu, bắt chước lại, nhắc lại y nguyên, không được mắc sai lầm! Phương pháp truyền thống không chấp nhận lỗi, đặc biệt là lỗi về ngôn ngữ, và mọi lỗi phạm phải đều bị “phạt” thích đáng. Ở đây không có chỗ cho khái niệm “giao ngôn” (interlangue) [4]. Yêu cầu học này đã làm triệt tiêu sự sáng tạo của người học, người học sợ bị phạt, bị điểm kém nên không dám thử, không dám tự sản sinh ngôn ngữ, năng động thực hành ngôn ngữ đích, mà chỉ viết lại những câu tương tự như mẫu câu đã học, hoặc sử dụng những mẫu câu đã học để dịch xuôi, dịch ngược, điều này đi ngược lại với mục đích dạy sinh ngữ phục vụ cho chức năng cơ bản của ngôn ngữ là giao tiếp.

Tóm lại, về vai trò và phương pháp học tập của người học trong Phương pháp truyền thống, chúng ta có thể tóm tắt như sau: Người học có nghĩa vụ thực hiện các nhiệm vụ, yêu cầu mà người dạy giao cho, quan sát diễn tiến hoạt động mà người dạy áp đặt, thực hiện các hoạt động khi người dạy yêu cầu (đọc, đặt câu khi thực hành một qui tắc ngữ pháp, trả lời câu hỏi, dịch xuôi / ngược ...); người học không cần sáng tạo gì trong quá trình học, người học chủ yếu chỉ cần ghi nhớ các qui tắc ngữ pháp và từ vựng hoặc học thuộc các đoạn bài khóa để viết luận và thực hành dịch.

2.2. Người học và phương pháp học tập ngoại ngữ trong các phương pháp Nghe - Nhìn

Dưới các tên chung là các Phương pháp Nghe - Nhìn, các nhà giáo học pháp đã gom lại những phương pháp cụ thể sau:

- Phương pháp tự nhiên
- Phương pháp trực tiếp
- Phương pháp nghe - nói

- Phương pháp nghe - nhìn.

Bên cạnh đó còn có thể kể ra một số phương pháp khác trong trào lưu này, như phương pháp tích cực, phương pháp tình huống, phương pháp thực hành có ý thức...[5]

Trong các phương pháp này, vị trí của người học đã có những thay đổi lớn. Người học không còn là đối tượng để hứng lấy cái vôi nước một cách thụ động mà đã trở thành nhân tố chủ động có động lực và có nhu cầu học những cái mình cần thiết. Từ cách thức học một ngôn ngữ trên mẫu hình học một từ ngữ, giờ đây người học đã xác định học ngôn ngữ là để sử dụng ngôn ngữ đó như một sinh ngữ. Từ đó ngữ liệu đầu vào không còn là các áng văn chương, là ngôn ngữ viết nữa, ở đó người học chỉ biết dịch xuôi, dịch ngược và làm bài viết luận, mà ngôn ngữ giờ đây là các hội thoại phản ánh tình huống thông thường trong cuộc sống (tuy phần lớn các hội thoại này đều là do tác giả các phương pháp học tiếng biên soạn). Chính ngữ liệu mới này buộc người học phải quan tâm hơn đến cách phát âm và chính sự hoàn thiện về bảng phiên âm quốc tế (Alphabet phonétique international - API) đã giúp cho việc học phát âm trở nên hữu hiệu hơn. Cùng với những hệ quả ngôn ngữ từ các công trình của “Cấu trúc luận”, các thành quả đạt được trong thuyết “Hành vi luận” trong tâm lý học đã mang lại cho giáo học pháp ngoại ngữ một luồng gió mới: đó là công thức:

S (stimulus) → **R** (réaction)

Xúc tác → Phản xạ

Hệ thống các bài tập cấu trúc ra đời và cùng với nó là các phòng học tiếng (Labo) phát triển mạnh mẽ để giúp người học tạo kỹ năng của mình. “Tạo sức bật nhanh nhất”, đó là khẩu hiệu của các phương pháp nghe - nhìn, là thước đo với người học. Trước hết, người học được tiếp xúc với các hội thoại mẫu, có hình ảnh của các phim tĩnh hỗ trợ, nghe và nhận biết tình

huống, ý nghĩa của câu nói của các nhân vật, trả lời các câu hỏi của giáo viên về tình huống và nhân vật. Tiếp theo đó là khâu luyện tập, đây là khâu cơ bản nhất và được hi vọng nhất: người học được đưa vào phòng học tiếng, chụp tai nghe vào và luyện tập như những người máy trong hàng giờ đồng hồ. Thao tác cơ bản của người học là:

Nghe - bắt chước - ghi nhớ
nhắc lại

Việc sử dụng tiếng mẹ đẻ bị nghiêm cấm đối với người học, chỉ có ngôn ngữ đích trong giờ học ngoại ngữ. Ngược lại, bên cạnh các yếu tố ngôn ngữ (éléments linguistiques), các yếu tố đi kèm ngôn ngữ (éléments paraverbaux) như cử chỉ, nét mặt, động tác ..., và các yếu tố ngoài ngôn ngữ (éléments extraverbaux) như đặc điểm người học, tình huống xã hội ... cũng được đưa vào như những yếu tố có tác động can thiệp vào chất lượng, hiệu quả dạy-học ngoại ngữ. Như vậy, trong các Phương pháp nghe - nhìn, người học được tiếp xúc với ngôn ngữ nói, được luyện tập ngôn ngữ nói trong các tình huống được coi là thông thường nhất của cuộc sống xã hội (gia đình, xã hội, việc làm ...). Họ học sử dụng ngôn ngữ chứ không còn là học các kiến thức về ngôn ngữ, những hiểu biết về ngôn ngữ (connaissances métalinguistiques). Các kỹ năng ưu tiên giờ đây không còn là đọc hiểu và viết nữa mà là kỹ năng nghe hiểu và diễn đạt nói (mặc dù nói ở đây chủ yếu là sự nhắc lại trong những tình huống khác đi). Phải thừa nhận rằng người học giờ đây có hứng thú hơn, giờ học trong lớp sinh động hơn, với sự hỗ trợ của các phương tiện nghe nhìn và thành tựu của khoa học - công nghệ khác. Không còn bị sa vào yêu cầu phân tích và học thuộc các qui tắc ngữ pháp, không mất thời gian “tầm chương trích cú”, dịch xuôi, dịch ngược và viết bài

luận, người học giờ đây, với những ngữ liệu đầu vào được kiểm soát chặt chẽ, một tiến độ ngữ pháp hợp lí, vừa phải, những chủ đề lựa chọn gần gũi với cuộc sống hàng ngày, thông qua ngôn ngữ nói là các bài hội thoại (có âm có hình) và hình thức luyện tập là các bài tập cấu trúc trong phòng học tiếng, đã đạt được những kĩ năng, những phản xạ ngôn ngữ rất tốt. Ghi nhớ và nhắc lại tốt trong các tình huống học tập trên lớp, người học đã có khả năng chuyển đổi các ngữ liệu mới học vào các tình huống mới, diễn đạt những ngữ liệu ấy phù hợp với tình huống và với một số yếu tố đi kèm ngôn ngữ phù hợp. Mục đích học để thực hành sử dụng ngôn ngữ về cơ bản là đã đạt được. Đây là một bước tiến lớn so với phương pháp học ngoại ngữ truyền thống.

Tuy nhiên, các phương pháp nghe-nhìn trong quá trình thực hiện đã để lộ những bất cập đối với người học. [5]

Thứ nhất, không còn phải thụ động hoàn toàn khi phải học thuộc lòng và nhắc lại các câu văn, đoạn văn như trong phương pháp truyền thống, người học ở phương pháp nghe -nhìn, tuy cũng đã bắt đầu chủ động chuyển đổi ngữ liệu từ tình huống ban đầu sang tình huống mới, nhưng thao tác chủ yếu vẫn là ghi nhận, bắt chước, ghi nhớ và nhắc lại một cách máy móc. Yêu cầu này đã làm hạn chế rất nhiều sự sáng tạo ngôn ngữ của người học, khiến người học vẫn chỉ loay hoay trong một số tình huống, chủ đề nhất định, với một ngôn ngữ được các nhà phân tích phê bình sau này cho rằng quá “trung tính”, ngôn ngữ giáo khoa, tư liệu nhân tạo, chế tạo, phần nào khô cứng không mang được sắc thái, sự tinh tế, hơi thở của cuộc sống thực. Người học được chú trọng hơn về phát âm, nhưng chủ yếu vẫn là cách thức phát âm từng âm vị, trong khi các hiện tượng ngôn điệu khác (các sơ đồ trọng âm, ngữ điệu biểu đạt các hành

động ngôn từ khác nhau) thì chưa được đề cập đúng mức.

Thứ hai là những bất cập về phương diện giáo học pháp. Các phương pháp nghe - nhìn áp dụng một hệ thống các nguyên tắc dạy-học khá là cứng nhắc. Ví dụ, người học không được hỗ trợ một chút nào từ tiếng mẹ đẻ, người học không được phạm lỗi, người học không được sử dụng ngữ liệu ngoài ngữ liệu đã được kiểm soát trước (ví dụ, ở cấp độ 1 là tiếng Anh cơ bản Basic English với 850 từ, tiếng Pháp là tiếng Pháp cơ bản Le Français fondamental 1 với 1500 từ), và đặc biệt nhất là người học phải chịu một áp lực quá lớn từ yêu cầu luyện bài tập cấu trúc trong các phòng học tiếng với cường độ quá lớn, biến họ thành những người máy (automate), từ đó dẫn đến tình trạng người học bão hòa, mệt mỏi, căng thẳng và hứng thú giảm dần. Tuy có quá trình chuyển từ địa hạt lời nói ban đầu sang giai đoạn khắc sâu kiến thức (fixation) trong địa hạt ngôn ngữ, nhưng việc chú trọng xây dựng nhận thức ngôn ngữ không được quan tâm đầy đủ, người học (đặc biệt đối với người học lớn tuổi) sẽ chỉ được thực hành ngôn ngữ một cách máy móc, trong khi bản chất của ngôn ngữ là sự sáng tạo lời nói trong giao tiếp cụ thể.

Tóm lại, về vai trò và phương pháp học tập của người học trong các phương pháp nghe - nhìn, chúng ta có thể tóm tắt như sau: Người học đã trở lại vị trí là người chủ động tiếp xúc, ghi nhận, ghi nhớ và bắt chước các cấu trúc câu của ngôn ngữ nói, luyện tập để tạo sức bật (automatisme), chuyển đổi vào các tình huống mới, biểu đạt với một số yếu tố đi kèm ngôn ngữ. Tuy nhiên, do những hạn chế của ngôn ngữ đầu vào và sự cứng nhắc của các nguyên tắc giáo học pháp, người học vẫn chưa có sự chủ động sáng tạo ra ngôn ngữ phù hợp với các tình huống giao tiếp thực trong cuộc sống.

Người học có năng lực cao thực hiện các bài tập cấu trúc, nhưng không có khả năng huy động những sức bật đó trong các tình huống giao tiếp, do tính đơn điệu của các hội thoại mẫu và tính không điển hình của nó trong cuộc sống thực.

2.3. Người học và phương pháp học tập ngoại ngữ trong đường hướng giao tiếp

Dưới cái tên chung là đường hướng giao tiếp, các nhà giáo học pháp đã gộp trong đó 3 đường hướng chính, đó là:

- Đường hướng ý niệm (approche notionnelle)
- Đường hướng chức năng (approche fonctionnelle)
- Đường hướng giao tiếp (approche communicative).

Với đường hướng giao tiếp, lần đầu tiên vai trò của người học được xác lập một cách tường minh nhất, rõ ràng nhất, được đặt lên vị trí cao nhất, ưu tiên nhất, bởi vì hai định hướng cơ bản của đường hướng giao tiếp là:

- Một nền giảng dạy lấy người học làm trung tâm.
- Hướng tới năng lực giao tiếp. [4]

Kể từ khi, nhà toán học, ngôn ngữ học người Mỹ Noam Chomsky phản biện lại những nguyên lý “Cấu trúc luận” của F. de Saussure, khái niệm “năng lực ngôn ngữ” đã được đặt lại vị trí trung tâm của nó trong nghiên cứu ngôn ngữ học, trong cơ chế tạo lập ra phát ngôn của con người: “một tập hợp hữu hạn các qui tắc cho phép sản sinh ra một tập hợp vô hạn các câu nói”. Cái quan trọng bây giờ không phải là hệ thống các cấu trúc câu đang tồn tại như một “sản phẩm xã hội”, người ta chỉ việc học thuộc lòng và nhắc lại, mà theo Chomsky, các nhà ngôn ngữ học cần tìm ra cơ chế tạo lập ra ngôn

ngữ theo hướng con người ở mỗi thời điểm giao tiếp “sáng tạo ra các phát ngôn mà có thể phần lớn trong đó họ chưa nghe thấy bao giờ hoặc chưa nói bao giờ”. Năng lực sáng tạo ra ngôn ngữ này chỉ có ở con người và việc dạy ngôn ngữ giao tiếp chính là dạy người học sao cho phát huy cao nhất khả năng giao tiếp bằng ngôn từ này.

Khi vị thế của người học thay đổi, trở thành nhân vật chính của quá trình dạy-học ngoại ngữ, thì công việc trọng tâm đầu tiên là mối quan tâm phân tích nhu cầu của người học. Người ta quan niệm rằng dù có những giáo trình, những phương pháp giảng dạy tốt, có đội ngũ người thầy giỏi nhưng nếu người học không muốn học, nội dung dạy không đáp ứng nhu cầu, mong muốn của người học thì không thể có được hiệu quả dạy-học tốt được. Như đã phân tích ở trên, nhu cầu của người học sẽ quyết định những kỹ năng cần hướng tới, nội dung cần giảng dạy, phương pháp cần áp dụng ..., để phát huy tối đa tiềm năng của người học và tạo ra hứng thú cao nhất của người học trong quá trình học tập. Từ trước đến nay, giảng dạy ngoại ngữ ít khi tính đến các nhu cầu này. Nhu cầu học tập thường được phân tích thành ba loại nhu cầu sau: thứ nhất, nhu cầu đến từ sở thích cá nhân (ví dụ, học ngoại ngữ để hát được bài hát tiếng nước ngoài, để đi du lịch ...), thứ hai, nhu cầu đến từ một thiết chế (ví dụ, ở phổ thông học sinh có môn học ngoại ngữ, học sinh phải học tập để có điểm tốt) và thứ ba, nhu cầu đến từ đòi hỏi nghề nghiệp (phục vụ cho công việc của mình). Các đối tượng khác nhau cũng có thể có các yêu cầu học các kỹ năng khác nhau (ví dụ, có một số cán bộ khoa học cần có một khóa học ngắn nhằm vào khả năng đọc hiểu để đọc tài liệu). Nói tóm lại, trong một nền giảng dạy lấy người học làm trung tâm thì mọi sự chú ý, chuẩn bị đều phải xuất phát từ nhu cầu và đặc điểm của người học.

Bắt đầu bằng tư liệu đầu vào. Nếu như trong các phương pháp nghe - nhìn, tư liệu đầu vào là các bài hội thoại tự soạn thì bây giờ tư liệu đầu vào là các tư liệu thực, tư liệu xã hội, đáp ứng được nhu cầu người học và kích thích được sự hứng thú của người học (ví dụ một đơn thuốc, một tờ gập giới thiệu du lịch ..., đều có thể trở thành các tư liệu giảng dạy hiệu quả). Các clip video, trao đổi, phỏng vấn, các chương trình trích từ chương trình truyền hình, phát thanh là những tư liệu được sử dụng để cấu tạo lên ngữ liệu dạy-học. Thứ hai, từ tư liệu thực ấy, hoạt động chủ đạo của người học không còn là ghi nhận, bắt chước, nhắc lại máy móc nữa, mà người học được yêu cầu quan sát tư liệu, tìm kiếm thông tin, đặc biệt là các thông tin tổng hợp, thông tin khái quát, để có cái hiểu tổng quan, từ đó chủ động tổ chức lời nói của mình. Thứ ba, nội dung bài học không tập trung xung quanh các chủ đề thường nhật như trong các phương pháp nghe - nhìn, mà xoay quanh hệ thống các hành động ngôn từ, giúp người học luyện tập các chức năng của ngôn ngữ, mục tiêu là luyện thành thạo 4 kĩ năng ngôn ngữ nghe - nói - đọc - viết. Thứ tư, luyện tập của người học không còn chỉ là các bài tập cấu trúc khô khan cứng nhắc, thực hiện ở lớp hay trong phòng học tiếng, hay các bài tập đóng vai, chuyển đổi giữa các tình huống giả định, mà hệ thống các hoạt động sư phạm đã đa dạng hơn nhiều, sử dụng ngữ liệu đầu vào multimedia, gây hứng thú mạnh cho người học. Và thứ năm, cả 4 kĩ năng đều được chú trọng phát triển chứ không chỉ nhằm vào kĩ năng nói như trong các phương pháp nghe - nhìn, đặc biệt các yếu tố ngữ dụng được đề cao để đáp ứng các yêu cầu biểu đạt sự tinh tế, tế nhị của ngôn ngữ (các yếu tố ngôn ngữ, đi kèm ngôn ngữ, ngoài ngôn ngữ và các thành tố văn hóa).

Nỗ lực của một quan điểm giảng dạy tập trung vào người học hướng người dạy đến cá

thể hóa đến mức tối đa người học, đáp ứng thỏa mãn từng người học, giải quyết khó khăn của từng người học và tổ chức dạy-học phù hợp nhất với từng cá nhân (khó khăn của trình độ người học khác nhau, kiến thức trước đó khác nhau, khả năng nhận thức khác nhau, tính cách khác nhau, sở thích khác nhau và phương pháp, nhịp độ làm việc khác nhau ...).

Khái niệm về một “*Hợp đồng học tập*” trong mối quan hệ dạy-học cũng là một nét mới của đường hướng chức năng - giao tiếp, ở đó người dạy và người học trở thành các “đối tác”, cùng nhau thỏa thuận những “điều khoản cam kết” trong quá trình thực hiện hợp đồng. Bản chất của hợp đồng này qui định ngay từ đầu là việc học tập là trách nhiệm của cả hai phía, bình đẳng và có vai trò quan trọng như nhau, cả hai phải nhận thức và tôn trọng các cam kết này. Vậy người học cần cam kết những gì? [6]

- Người học phải cam kết sử dụng mọi cơ hội giao tiếp để thực hành ngoại ngữ, trong lớp, ngoài lớp, đặc biệt là với người bản ngữ.

- Người học phải cam kết sử dụng mọi cơ hội để tiếp xúc với ngôn ngữ đích, tìm kiếm thông tin về ngôn ngữ, văn hóa, đất nước, con người của ngôn ngữ đích.

- Người học phải cam kết giao tiếp tích cực nhất với bạn học, chia sẻ kiến thức cùng bạn học, hỗ trợ nhau trong nhóm học với tinh thần cộng tác cao nhất, mong muốn được bạn học sửa cho mình và sẵn sàng sửa cho người khác.

- Người học phải cam kết chấp nhận rủi ro, quyết tâm biểu đạt bằng được ý đồ giao tiếp của mình, cho dù phạm phải các lỗi ngôn ngữ và văn hóa, là điều dĩ nhiên khi học ngoại ngữ, trong một quan điểm giao ngôn (interlangue).

- Người học phải cam kết hoàn thiện các kĩ năng của mình theo khung tham chiếu, dù là trong chương trình học hay ngoài chương trình học.

- Người học phải cam kết học cách đánh giá quá trình học của mình, kiến thức thu lượm, kỹ năng thực hành của mình và đòi hỏi phải được đánh giá.

- Người học phải cam kết tìm hiểu ngôn ngữ đích được cấu tạo và vận hành thế nào, có ý thức đối chiếu ngôn ngữ đích và tiếng mẹ đẻ trong quá trình học tập của mình.

Những thỏa thuận này một mặt nâng vị thế của người học lên, mặt khác làm cho người học thấy hết trách nhiệm của mình trong học tập, xác định rõ ràng các mục tiêu cần đạt được, có hướng phấn đấu rõ rệt và xây dựng được một môi trường, các mối quan hệ thuận lợi, mình bachel tạo điều kiện tốt nhất để thực hiện quá trình học tập của mình với chất lượng cao.

Tóm lại, về vai trò và phương pháp học tập của người học trong đường hướng chức năng - giao tiếp, chúng ta có thể tóm tắt như sau: người học ý thức được một cách sâu sắc vai trò của mình, chủ động quan sát, tìm kiếm thông tin, thực hành, đúc rút, tự đánh giá nhằm mục đích phát triển tốt nhất, hài hòa nhất 4 kỹ năng giao tiếp của mình. Người học cũng bắt đầu biết xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp với người thầy và bạn học nhằm tạo ra một môi trường thuận lợi, những điều kiện phù hợp để phục vụ cho quá trình học tập của mình tốt hơn. Tuy nhiên, người học vẫn chưa thoát khỏi không gian học đường, vẫn nguyên si là người “học trò” đang đi học, vẫn là một thành tố của qui trình giáo dục, phấn đấu đạt được những mục tiêu do chương trình giáo dục đề ra. Và như vậy người học sẽ không có được tâm lý của người đang thực sự sử dụng công cụ là ngoại ngữ để thực hiện một công việc nào đó theo nhu cầu của cuộc sống, mà vẫn chỉ là lấy ngôn ngữ làm mục đích, thực hiện trong các tình huống giả định. Chỉ khi nào thoát ra khỏi không gian lớp học, dùng ngôn ngữ làm công cụ để thực hiện một “nhiệm vụ” nào đó với tư cách là một

“tác nhân xã hội”, thì ngôn ngữ được sử dụng mới là ngôn ngữ thực, và người sử dụng mới huy động hết mọi tiềm năng để sử dụng hiệu quả ngôn ngữ đó, thực hiện chức năng giao tiếp của mình. Đó chính là quan điểm hành động trong một phương pháp dạy-học ngoại ngữ tiên tiến.

3. Nhận thức về người học và phương pháp học tập ngoại ngữ trong quan điểm hành động

Chúng ta vừa xem xét nhận thức về người học và phương pháp học tập trong các phương pháp và đường hướng dạy-học ngoại ngữ trước đây. Trải qua một thời gian dài, nhận thức này đã có nhiều biến động, thay đổi quan điểm, ý tưởng chủ đạo theo sự phát triển của các nghiên cứu ngôn ngữ học và thành tựu của các ngành khoa học kế cận. Vị thế của người học ngoại ngữ, từ chỗ là “anh trò ngoan”, bị động tiếp thu kiến thức rớt xuống từ người thầy, lấy mục tiêu kiến thức về ngôn ngữ và văn học làm nền tảng, có nghĩa vụ quan sát diễn tiến hoạt động mà thầy áp đặt để thực hiện mọi yêu cầu của thầy, chuyển dần sang một người học chủ động hơn trong việc tiếp xúc, ghi nhận, bắt chước và ghi nhớ các cấu trúc câu của ngôn ngữ nói, chủ động luyện tập với các bài tập cấu trúc trong phòng học tiếng để tạo sức bật, khả năng chuyển dịch trong các tình huống mới (cho dù đó chủ yếu mới chỉ là các kỹ năng mô phỏng tình huống mẫu, vốn đơn điệu và không điển hình trong cuộc sống thực), và cuối cùng là sự hình thành vị thế mới của người học với tư cách là trung tâm của quá trình dạy-học, nhận thức được vai trò của mình để huy động mọi tiềm năng rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, khả năng biểu đạt lời nói với các yếu tố ngôn ngữ, đi kèm ngôn ngữ và ngoài ngôn ngữ, phù hợp với tình huống giao tiếp và đạt được mục đích giao tiếp

của mình. Từ quan điểm truyền thống tới phương pháp nghe - nhìn và đường hướng chức năng - giao tiếp, giáo học pháp ngoại ngữ đã tiến những bước dài, giúp cho quá trình học một ngoại ngữ ngắn đi, khoa học hơn và hiệu quả hơn.

Bước vào thế kỉ XXI, giáo học pháp ngoại ngữ có những biến động lớn. Người ta tiếp tục băn khoăn về vị thế của người học ngoại ngữ: vì sao người học ngoại ngữ đã trở thành các chủ thể độc lập, có khả năng khá tốt trao đổi thông tin, đưa ra quan điểm của mình, thuật lại kinh nghiệm của mình, biết lập luận, thuyết phục, đàm phán, tinh tế hóa suy nghĩ, lại chưa thể chủ động tương tác, hành động như những chủ thể thực sự trong xã hội so với giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ?!

Trong cuộc sống hàng ngày, rất nhiều các nhiệm vụ lớn nhỏ đặt ra trong mọi lĩnh vực: người ta phải gọi điện thoại cho bạn bè để lấy thông tin, thuật lại buổi biểu diễn vừa xem đêm qua, mời ai đó qua nhà ăn tối (lĩnh vực cá nhân), hoặc làm thủ tục nhận tiền ở ngân hàng, mua vé xe buýt, xin đăng kí lớp học bơi (lĩnh vực công cộng), hoặc nữa tham gia cuộc họp của cơ quan, viết một bản báo cáo (lĩnh vực nghề nghiệp - việc làm) ..., tất cả những nhiệm vụ đó đều cần có sự trợ giúp của ngôn ngữ nói hoặc viết. Người ta thực hiện việc này một cách tự nhiên trong tiếng mẹ đẻ, nhưng vấn đề sẽ nảy ra, khó khăn sẽ ập đến khi họ muốn thực hiện những nhiệm vụ này bằng tiếng nước ngoài, hoặc ở nước ngoài. Vì sao ư? Chắc chắn đó là vì trong quá trình học tiếng nước ngoài, người ta đã không được đặt vào tình huống một cách thực thụ, buộc phải hoàn thành các nhiệm vụ "đời thường" đó bằng tiếng nước ngoài. Người học mới chỉ chăm chăm hiểu thông tin và biểu đạt ý mình, có nghĩa là chỉ chăm chăm vào việc hoàn thành việc giao tiếp bằng ngoại ngữ với tinh thần ngôn ngữ chính là đích đến, là mục tiêu của việc học ngoại ngữ. Trong khi đó mục

tiêu **hoàn thành các nhiệm vụ** lớn nhỏ trong cuộc sống thông qua các hoạt động ngôn ngữ và phi ngôn ngữ thì không được chú trọng, kết quả của nhiệm vụ mới là đích cuối cùng, giao tiếp khi đó chỉ là công cụ để thông qua đó con người hoàn thành nhiệm vụ của mình. Việc coi giao tiếp chỉ là phương tiện, không có mục tiêu tự nó đã làm thay đổi căn bản vị thế của người học và phương pháp học tập của họ.

Trước hết, đó là **các mục tiêu ưu tiên**. Nếu như trong đường hướng giao tiếp, đối với người học mục tiêu ưu tiên là ngôn ngữ và giao tiếp, có nghĩa là ưu tiên học cách nói, cách biểu đạt với người khác thì trong quan điểm hành động, mục tiêu ưu tiên là tương tác và là hành động, có nghĩa là ưu tiên học cách tương tác, ứng xử bằng ngoại ngữ với người khác. Cũng từ quan niệm đó, đối với đường hướng giao tiếp vai trò của **cá nhân** là quan trọng, với mục tiêu ưu tiên là người học thực hiện thành công các kĩ năng ngôn ngữ, trong khi đó quan điểm hành động đặt ưu tiên vào nhóm người học, vào tập thể, với mục tiêu ưu tiên của quá trình học ngoại ngữ là cá nhân người học thực hiện thành công các hoạt động chung, hành động chung, tập thể bằng ngoại ngữ. Theo cách nhìn nhận đó, trong đường hướng giao tiếp, tư cách của người học là người sử dụng, là người diễn đạt (locuteur), còn trong quan điểm hành động, tư cách người học là người tương tác, người đối thoại (interlocuteur).

Thứ hai, **về các hoạt động học tập chủ đạo**, trong khi đường hướng giao tiếp hướng người học tới việc học và thực hành 4 kĩ năng, lấy **chất lượng biểu đạt** của người học làm thước đo, thì quan điểm hành động hướng người học tới hoạt động tương tác qua các kĩ năng và khả năng chiêm nghiệm, lấy **chất lượng tương tác** của người học làm đích cần đạt đến. Nếu như trước đây chỉ xác định 4 kĩ năng và là 4 kĩ năng bình đẳng thì giờ đây sẽ là 5 - 6 kĩ năng, trong đó các kĩ năng tiếp nhận là điều kiện còn các kĩ

năng biểu đạt mới là đích đến. Mặt khác, nếu như đường hướng giao tiếp chủ trương người học thực hiện các hoạt động ngôn ngữ thông qua các **hành động ngôn từ (acte)** với quan điểm “siêu ngôn ngữ” (metalinguistique), ví dụ như viết, nói, trao đổi về chủ đề bảo tàng với các hành động ngôn từ khen, chê, góp ý, kiến nghị ..., thì Quan điểm hành động chủ trương người học cần thực hiện các hoạt động tương tác (không chỉ là hoạt động ngôn ngữ) **bằng các dự án (projet)** có nghĩa là bằng việc **hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra**, với quan điểm “luận ngôn ngữ” (épilinguistique), ví dụ như: để phản ánh về bảo tàng thì cần những yếu tố gì về ngôn ngữ, về văn hóa ... (trong phản ánh sẽ có khen, chê ..., nhưng cái quan trọng nhất là “tiếp cận dưới góc độ nào và như thế nào”).

Thứ ba, **về các nguyên tắc cơ bản**, thì nguyên tắc đầu tiên là sự nhìn nhận về người học, trong đó người học từ chỗ là chủ thể học tập, là tác nhân giáo dục được chuyển sang là chủ thể cộng đồng, là tác nhân xã hội [7]. Đây là sự khác biệt cơ bản về vị thế người học. Người học không còn đơn thuần là một người thực hiện các nhiệm vụ học tập (ở đây là học ngoại ngữ) mà trở lại là chủ thể lời nói, đang **dùng ngôn ngữ làm phương tiện để thực hiện một dự án, để hoàn thành một nhiệm vụ** nào đó, hết như trong đời sống xã hội thực. Ta có thể so sánh vị thế của người học qua các thuật ngữ sau:

Truyền thống	Nghe - Nhìn	Giao tiếp	Hành động
học trò	người học	người sử dụng	người tương tác

Chủ trương người học thoát thai ra khỏi tâm thế của người đang đi học để trở thành chủ thể giao tiếp xã hội đang sử dụng ngôn ngữ để tương tác, để hành động, đó là nguyên tắc cơ bản đầu tiên của quan điểm hành động.

Nguyên tắc thứ hai là quan niệm mở rộng “không gian lớp học”. Trong đường hướng giao tiếp, các nhiệm vụ học tập bó hẹp trong không gian lớp học, học đường, vì thế người học luôn trong tư thế người đi học, quanh quẩn trong khung cảnh này, và nếu có cố gắng hình dung ra một tình huống xã hội thì đó cũng chỉ là sự đóng kịch, là tình huống giả định. Còn theo quan điểm hành động, các nhiệm vụ cần hoàn thành đã vượt ra ngoài không gian lớp học, đã mang tính xã hội rất cao. Lấy ví dụ, để học về các giới từ chỉ định vị không gian “trên”, “dưới”, “trong”, “ngoài”, đường hướng giao tiếp cho xây dựng một hội thoại ví dụ về việc sắp xếp lại nhà cửa để người học có điều kiện sử dụng các giới từ này, trong khi đó với quan điểm hành động, thầy giáo mang đến lớp một chiếc máy ảnh, tháo tung ra và cho các nhóm học sinh thực hiện nhiệm vụ là “lắp lại như cũ”. Như vậy để có thể lắp lại nguyên xi máy ảnh, người học có một nhiệm vụ rất cụ thể, rất thực, họ phải trao đổi với nhau bằng ngoại ngữ, tìm cách sắp xếp các bộ phận trên dưới trong ngoài sao cho đạt được mục đích cuối cùng là chiếc máy ảnh được lắp lại như ban đầu!

Nguyên tắc thứ ba là một quan niệm mới về khái niệm “giao tiếp” trong học ngoại ngữ. Nếu như trong đường hướng giao tiếp, giao tiếp được nhận thức vừa là phương tiện vừa là mục tiêu cần đạt đến thì trong quan điểm hành động, giao tiếp được nhìn nhận không phải là đích đến tự nó, mà chỉ là một phương tiện phục vụ cho hành động tập thể, để người học thông qua đây (giao tiếp bằng ngôn ngữ) thực hiện một nhiệm vụ cụ thể nào đấy. Cũng chính vì vậy mà trong khi đường hướng giao tiếp nhấn mạnh đến quan điểm dạy-học các kĩ năng thì quan điểm hành động lại hướng tới quan điểm dạy-học thông qua các dự án để hoàn thành những nhiệm vụ đặt ra, trong đó kĩ năng chỉ còn là phương tiện phục vụ cho mục tiêu chính. Và cũng chính vì thế mà từ chỗ phương pháp dạy-học ngoại ngữ

hài lòng với cái “biết làm” (có khả năng), giờ đây đã chuyển sang mục tiêu “biết hành động” (có năng lực), một bước ngoặt trong hệ thống các nguyên tắc dạy-học ngoại ngữ mới hiện nay.

Nguyên tắc thứ tư có liên quan đến nội dung học tập. Từ **quan điểm tối ưu** trong đường hướng giao tiếp, có nghĩa là luôn luôn mong muốn có được tối đa các thông tin, luôn mong muốn có nhiều hơn, với những câu trả lời lí tưởng, quan điểm hành động chủ trương **một cách nhìn phù hợp** (với hiện thực thế giới bên ngoài), chỉ quan tâm tới các thông tin có ích, các thông tin bị thiếu, chấp nhận các câu trả lời có thể là khá tốt, không đặt yêu cầu “luôn có nhiều thông tin hơn” mà nhấn mạnh đến yêu cầu “có được thông tin tốt hơn, có giá trị hơn”. Chính vì vậy mà trong khi đường hướng giao tiếp nhấn mạnh đến hình thức (từ vựng, ngữ pháp, tiêu chí chuẩn mực ngôn ngữ), trong một định hướng học tập (những gì người học thực hiện trong quá trình học tập của mình), thì quan điểm hành động thiên về nội dung, ý nghĩa (hoàn thành dự án, nhiệm vụ không chỉ với các yếu tố ngôn ngữ) trong một định hướng cộng đồng, xã hội (những gì người sử dụng ngôn ngữ thực hiện thực tế trong xã hội). Như vậy, nội dung học tập không xuất phát từ **danh mục về ngữ pháp, từ vựng, chủ đề hay hành động ngôn từ** như trong đường hướng giao tiếp nữa, mà quan điểm hành động lấy nội dung học tập từ một **tập hợp các nhiệm vụ phải hoàn thành** (tất nhiên để hoàn thành các nhiệm vụ này thì người học phải huy động được các kiến thức và kĩ năng của mình). Cũng cần phải nói thêm rằng, với đường hướng giao tiếp, trong nội dung học tập, việc tìm kiếm phát **hiện ra nghĩa** của từ vựng, của khái niệm là quan trọng, có nghĩa là “nghĩa” là quan trọng, là đích đến, thì với quan điểm hành động, việc **cùng nhau tạo lập ra nghĩa** mới là quan trọng. Ví dụ, trong học ngoại ngữ, không phải việc biết được một từ nước ngoài nào đó có nghĩa là “cái máy tính”

là mục đích cuối cùng, mà điều quan trọng hơn là cùng nhau tìm hiểu bằng tiếng nước ngoài máy tính là gì, có những cấu phần nào, có những chức năng gì và cách sử dụng ra sao, tất cả những cái đó được gọi là “quá trình tạo lập nghĩa”, đây mới là điểm đến trong việc tìm hiểu nghĩa trong học ngoại ngữ.

Nguyên tắc thứ năm liên quan đến nhận thức về “nhiệm vụ” [7]. Nếu như trước đây “nhiệm vụ” chỉ là “đơn vị hoạt động học tập” thì giờ đây khái niệm “nhiệm vụ” sẽ là “đơn vị hoạt động học tập và giảng dạy”. Để hoàn thành một “nhiệm vụ” thì không chỉ có hoạt động của trò, mà còn có cả hoạt động của thầy, thầy và trò cùng hoạt động để hoàn thành một nhiệm vụ thông qua một dự án nào đấy. Thầy giáo không còn là nhân tố đứng ngoài, với tư cách người cố vấn, mà thực sự là người trong cuộc, chia sẻ khó khăn, hỗ trợ người học tìm phương thức thực hiện tối ưu, chuẩn bị kĩ càng ở nhà, hình dung, lường trước các vấn đề để có sẵn giải pháp giúp người học. Tóm lại, quan điểm hành động coi người học và người dạy đều là những thành tố cấu thành để thực thi một nhiệm vụ học tập, mỗi người tuy ở trên một vị thế và có chức năng riêng của mình, nhưng cùng một mục tiêu và cùng hưởng thành quả đạt được.

Nói tóm lại, về vị thế và phương pháp học tập của người học trong quan điểm hành động, chúng ta có thể tóm tắt như sau: người học đã thoát ra khỏi tình huống sư phạm, thực sự trở thành các tác nhân xã hội, ngay trong quá trình học tập, sử dụng ngôn ngữ, sử dụng các kĩ năng giao tiếp để thực hiện các nhiệm vụ trong những lĩnh vực cụ thể, lĩnh vực cá nhân, công cộng hay nghề nghiệp, và việc hoàn thành các nhiệm vụ đó thông qua các hoạt động tương tác (không chỉ là hoạt động ngôn ngữ), thông qua các dự án được coi là đích đến của người học. Để thực hiện thành công hoạt động tương tác tập thể, cộng đồng này, để ứng xử và hành động cùng những người khác, người học sẽ phải huy

động ở mức cao độ nhất các kiến thức, khả năng và năng lực của mình.

Quan điểm hành động, với cơ sở lí luận là thành quả nghiên cứu của các ngành ngôn ngữ học, ngôn ngữ tâm lí học, ngôn ngữ xã hội học và các ngành khoa học - công nghệ kế cận khác, và với kinh nghiệm được đúc rút từ thực tiễn dạy và học ngoại ngữ trong ngót một thế kỉ qua, tiếp nối và phát huy những giá trị và hiệu quả tốt đẹp của đường hướng chức năng - giao tiếp, đã đặt người học vào đúng vị thế của mình và mở ra hướng đi mới cho phương pháp học tập ngoại ngữ. Quan điểm hành động hiện đã là thực tiễn của nhiều cơ sở, nhiều địa bàn dạy-học ngoại ngữ trên thế giới và là đích hướng tới của các quan điểm giáo học pháp ngoại ngữ hiện đại, và đặc biệt đối với thực tiễn dạy-học ngoại ngữ ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Houssaye, Jean (dir.) La pédagogie: une encyclopédie pour aujourd'hui. Paris, ESF, 1993
- [2] International Baccalaureate – Educational Foundation, 2011.
- [3] Coste D. (dir), Vingt ans dans l'évolution de la didactique des langues (1968 – 1988), Hatier – Crédif, Paris, 1994.
- [4] Puren C., Histoire des méthodologies de l'enseignement des langues, Nathan CLE international, Paris, 1988.
- [5] Gallisson R., D'hier à aujourd'hui, la didactique des langues étrangères, CLE international, Paris, 1980.
- [6] Tagliante C., La classe de langue, CLE international, Paris, 2007.
- [7] Bourguignon C., De l'approche communicative à l'approche communic'actionnelle: une rupture épistémologique en didactique des langues – cultures, Synergie Europe, Paris, 2006.

Perception of Foreign Language Learners and Learning Methods: Theoretical and Practical Issues

Nguyễn Lâm Trung

VNU University of Languages and International Studies, Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: Traditionally, foreign language learning and teaching used to focus on teachers and teaching methods. By contrast, since the end of the 20th century, with the apparent dominance and undeniable effectiveness of the learner- and learning-centered approach, this focus has shifted to learners and their learning methods so as to establish and develop their autonomy, self-responsibility, satisfy their own needs and help them become life-long learners. This paper summarizes general understanding of foreign language learning and teaching, and addresses several questions, including factors which may influence learners, what facilities and qualities they need. The subsequent sections of the paper present issues concerning foreign language learners and learning methods in various approaches to date, such as traditional, audio-visual, communicative and actional approaches, together with their underlying fundamental principles. In so doing, the paper emphasizes the need to materialize innovations in methodology so as to improve the effectiveness of foreign language training and successfully meet the demands of the 21st century.

Keywords: Foreign language teaching and learning, methodology, traditional methods, audio-visual method, communicative language teaching CLT, actional approach.